TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số 131/2019/HC-PT
Ngày 19/8/2019
Về *"Khiếu kiện quyết định hành chính và quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: Ông Mai Xuân Thành, ông Nguyễn Văn Tào

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 140/2019/TLPT-HC ngày 24/4/2019 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính và quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai"* do Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2019/HC-ST ngày 18/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 913/2019/QĐ-PT ngày 02/8/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Phạm T, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn T2, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (địa chỉ trụ sở: 52 Hùng Vương, thành phô Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi) có Văn bản số 3845/UBND-NC ngày 09/7/2019 đề nghị Tòa án xét xử phúc thẩm vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là ông Lê Chí P (Phó giám đốc Sở Tư pháp), có mặt.

2.2. Ủy ban nhân dân huyện B; địa chỉ trụ sở: huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

2.3. Chủ tịch UBND huyện B; địa chỉ trụ sở: huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện B và Chủ tịch UBND huyện B là ông Lý T (Phó Chủ tịch UBND huyện B) có Đơn đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho phép Ông được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng phúc thẩm.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B; địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Người đại diện theo ủy quyền là ôn Nguyễn Sơn L, vắng mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1971 (vợ ông Phạm T);

3.3. Anh Phạm Văn P, sinh năm 1989 (con ông Phạm T);

Bà T1 và anh P ủy quyền cho ông Phạm T (là nguyên đơn trong vụ án) tham gia tố tụng;

3.4. Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1994 (con ông Phạm T); địa chỉ: Thôn T2, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

3.5. Ban quản lý dự án X; địa chỉ trụ sở: thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Đình T3 (Phó giám đốc Ban quản lý dự án X) có đơn đề ngày 16/8/2019 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Phạm T là nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (vợ và con ông T).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 26/6/2018 và quá trình tố tụng, người khởi kiện là ông Phạm T trình bày:

Tại Quyết định số 4072/QĐ-UBND ngày 11/12/2009, Ủy ban nhân dân huyện B phê duyệt phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất thực hiện dự án đường dây 220KV D - Quảng Ngãi, khu vực các xã B, T, N và C, huyện B. Ngày 25/12/2009, UBND huyện B ban hành Quyết định số 4473/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Phạm T số tiền 55.197.936 đồng và năm 2011, hộ gia đình ông T được UBND huyện B hỗ trợ bổ sung 30% giá đất và 40 % giá công trình trên đất.

Năm 2013, thực hiện dự án đường dây 220KV S - D đối với hành lang tuyến tại xã B, huyện B thì UBND huyện B ban hành Quyết định số 2051/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 phê duyệt phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất đối với hộ gia đình ông T. Ngày 13/11/2013, UBND huyện B ban hành Quyết định số 923/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông T với tổng số tiền 14.876.600 đồng (trong đó, bồi thường về đất 14.601.600đồng, bồi thường cây cối hoa màu 275.000 đồng). Do không đồng ý với Quyết định 2051/QĐ-UBND và Quyết định 923/QĐ-UBND nên ông Phạm T khiếu nại đến UBND huyện B. Ngày 06/3/2017, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 321/QĐ-UBND, bác yêu cầu khiếu nại của ông T; ông T khiếu nại thì ngày 26/6/2017, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1193/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của ông T.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết: *(1).* Hủy các Quyết định số 4072/QĐ-UBND ngày 11/12/2009 của UBND huyện B về việc phê duyệt phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng; Quyết định số 4473/QĐ-UBND ngày 25/12/2009 của UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Phạm T; Quyết định số 2051/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 của UBND huyện B về việc phê duyệt phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng và Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 13/11/2013 của UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Phạm T và các Quyết định giải quyết khiếu nại số 321/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 Chủ tịch UBND huyện B và Quyết định số 1193/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi; *(2).* Buộc UBND huyện B ban hành lại các Quyết định thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ, tái định cư đối với diện tích 152,1m^2 đất nằm trong hành lang tuyến đường dây 220KV S - D cũng như diện tích đất nằm trong hành lang tuyến đường dây 220KV D – Quảng Ngãi để bố trí đất tái định cư cho gia đình ông T, nếu không có đất tái định cư thì trả bằng tiền theo giá đất tại thời điểm thu hồi *(3).* Buộc UBND huyện B hỗ trợ chi phí di chuyển 4.000.000 đồng và giá trị cây bồi thường thiếu là 560.000 đồng. Căn cứ để ông T yêu cầu hủy các Quyết định trên là:

+ Thửa đất số 770, tờ bản đồ số 39 (bản đồ năm 2003), diện tích 441m^2 của hộ gia đình Ông nằm trong hành lang an toàn khi xây dựng hai lưới điện nên thuộc trường hợp phải thu hồi đất, di chuyển chỗ ở; nhưng UBND huyện B chỉ hỗ trợ 80% giá trị bồi thường về đất ở là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Hơn nữa căn cứ Biên bản kiểm kê, đo đạc do Ban bồi thường di dân, giải phóng mặt bằng huyện B lập ngày 04/7/2009 thì nhà của gia đình Ông không đáp ứng điều kiện tồn tại trong hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định 106/2005/NĐ-CP ngày 17/8/2005 Luật Điện lực (đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 81/2009/NĐ-CP); vì vậy, đất của hộ gia đình Ông phải bị thu hồi, để bố trí đất tái định cư. Mặt khác, ngoài hỗ trợ 80% mức bồi thường thu hồi đất ở thì hộ gia đình Ông còn phải được hỗ trợ chi phí di chuyển theo quy định tại Điều 6d sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 81/2009/NĐ-CP kèm theo Quyết định số 66/2009/QĐ-UBND ngày 31/12/2009 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

+ Việc kiểm kê tài sản trên đất để bồi thường cho hộ gia đình Ông thiếu cây vú sữa đường kính gốc >20cm, 05 cây lấy củi đường kính gốc từ 10cm đến 30cm, cây nhãn, cây khế và cây chanh nên yêu cầu bồi thường thêm 01 cây nhãn ghép đang cho quả có đường kính gốc >20cm (350.000đồng/cây); 01 cây chanh có tán rộng 2cm (150.000đồng/cây); 01 cây khế đang cho quả 60.000đông với tổng số tiền 560.000đồng.

- Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (tại văn bản số 5589/UBND-NC ngày 17/9/2018) trình bày:

Diện tích đất của gia đình ông Phạm T nằm trong hành lang an toàn đường dây 220KV S - D (theo bản vẽ kỹ thuật thửa đất lập năm 2007 và bản đồ đo vẽ lập năm 2013) đã được UBND huyện giải quyết đền bù, hỗ trợ đầy đủ, đúng quy định

tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 89/NĐ-CP ngày 12/10/2009 (sửa đổi bổ sụng tại Nghị định số 106/NĐ-CP ngày 17/8/2005) của Chính Phủ hướng dẫn thi hành Luật Điện lực và Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể: Tổng diện tích đất của hộ ông T được đền bù là 395,7m^2 lớn hơn diện tích thửa đất của ông T đo thực tế năm 2013 là có lợi cho hộ ông T. Đối chiếu bản đồ địa chính lập năm 2003 với Bản vẽ kỹ thuật thửa đất lập năm 2007 và bản đồ đo vẽ lập năm 2013 thì thấy giới cận thửa đất số 770, tờ bản đồ 39 xã B không thay đổi, đất không bị thu hồi và không bị sạt lỡ, sụt lún; diện tích đo các thời điểm khác nhau là do phương pháp đo và sai số nên việc ông T cho rằng UBND huyện B bồi thường hỗ trợ cho ông T thiếu diện tích nằm trong hành lang an toàn tuyến là không có cơ sở.

Ông T không thực hiện nghĩa vụ kê khai đất đai, tài sản trong vùng dự án, cũng không hợp tác với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường để kiểm kê nên Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B phải phối hợp với địa phương lập Biên bản ngày 25/7/2013 kiểm kê tài sản trên đất của hộ ông T tại thửa đất 841 (Bản đồ năm 2013). Kết quả kiểm kê là khách quan, có sự chứng kiến và tham gia của các thiết kế giám sát ở địa phương; số liệu kiểm kê sau đó đã được công khai và ông T không thắc mắc, khiếu nại. UBND huyện B căn cứ số liệu kiểm kê ngày 25/7/2013 làm cơ sở bồi thường, hỗ trợ là đúng quy định tại khoản 7 Điều 3 Phụ lục của Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Trong hai dự án hộ ông Phạm T chỉ ảnh hưởng làm hạn chế khả năng sử dụng đất do nằm trong hành lang tuyến mà hoàn toàn không có việc Nhà nước thu hồi đất đối với thửa đất số 770. Tại thời điểm năm 2013, thửa đất số 770 không có nhà ở trên đất, hộ ông Phạm T đã có chỗ ở ổn định tại nơi khác trên địa bàn xã B. Ban quản lý dự án công trình điện Miền Trung đã tiến hành đo đếm cường độ điện trường và có Công văn số 296/GPMBKTĐB ngày 18/01/2016 kết luận toàn bộ diện tích đất nằm trong hành lang tuyến của hộ ông Phạm T (đường dây 220KV D - Quảng Ngãi và đường dây 220KV S - D) đủ điều kiện xây dựng nhà ở theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 3 Điều 27 Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi thì hộ ông Phạm T không thuộc trường hợp được cấp đất tái định cư.

Việc áp giá, bồi thường của UBND huyện B là đúng quy định tại khoản 1 Điều 7 Quyết định 08/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 49/2012/QĐ-UBND ngày 27/12/2012 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về mật độ cây trồng, đơn giá và nguyên tắc bồi thường; kèm theo Quyết định số 482/2008/QĐ-UBND ngày 31/12/2008 của UBND tỉnh Quảng Ngãi. Việc ông Phạm T căn cứ vào đơn giá bán đấu giá quyền sử dụng đất tại khu dân cư xã B là không có căn cứ pháp lý, không phù hợp với thực tiễn.

Việc ban hành Quyết định số 1193/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi giải quyết bác đơn khiếu nại của ông Phạm T là đúng quy định của pháp luật.

- *Người bị kiện là UBND huyện B và Chủ tịch UBND huyện B trình bày:* Việc UBND huyện B ban hành các Quyết định số 4072/QĐ-UBND ngày

11/12/2009 về phê duyệt phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng; Quyết định số 4473/QĐ-UBND ngày 25/12/2009 về bồi thường, hỗ trợ cho ông T; Quyết định số 2051/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 về phê duyệt phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 13/11/2013 về bồi thường, hỗ trợ cho ông T, là đúng quy định của pháp luật; việc ông Phạm T đề nghị UBND huyện B cấp 01 lô đất tái định cư là không có cơ sở để được chấp nhận. Ông T khiếu nại các Quyết định về bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện B là không có cơ sở nên Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 321/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 bác khiếu nại của ông T là đúng pháp luật; do đó, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B (Tại văn bản số 153/PTQĐ ngày 18/9/2018) trình bày:* Thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Phạm T ở xã B tại 02 dự án đường dây 220KV D-Quảng Ngãi và đường dây 20KV S-D được Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện B thực hiện công khai, dân chủ và đúng quy định của pháp luật. Phương án bồi thường, hỗ trợ của 02 dự án được các cơ quan chức năng của huyện thẩm tra, thẩm định và phê duyệt theo đúng quy định tại thời điểm thực hiện dự án. Nội dung khiếu nại của hộ ông Phạm T đã được Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1193/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 giải quyết bác khiếu nại của ông Phạm T; do đó, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ban quản lý Dự án X trình bày:* Năm 2009, thực hiện thi công đường dây 220KV D-Quảng Ngãi thì đất của hộ ông T nằm trong hành lang an toàn của lưới điện đã được UBND huyện B ban hành Quyết định số 4473/QĐ-UBND ngày 25/12/2009 về phê duyệt phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và Quyết định số 4473/QĐ-UBND ngày 25/12/2009 về bồi thường, hỗ trợ cho ông T và ông T đã nhận tiền, không khiếu nại. Năm 2013 thực hiện thi công đường dây 220KV S-D thì Trung trâm phát triển quỹ đất huyện B, UBND xã B và các hộ dân trong vùng dự án đã mời hộ ông T tham gia kiểm kê đất đai, cây cối, nhưng ông T không hợp tác. Do đó, ngày 25/7/2013 Trung tâm phát triển quỹ đất cùng các cơ quan ban ngành và đại diện người dân trong vùng dự án đã tiến hành lập Biên bản hiện trường; lập phương án bồi thường, hỗ trợ và niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã và điểm sinh hoạt khu dân cư là đúng quy định của pháp luật; nhưng 03 lần chi trả tiền thì hộ ông T không thống nhất nhận tiền.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ và con của ông T (gồm bà Nguyễn Thị T1, anh Phạm Văn P, anh Phạm Văn Q)* thống nhất với trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Phạm T.

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2019/HC-ST ngày 18/3/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm T về yêu cầu hủy các Quyết định số 4072/QĐ-UBND ngày 11/12/2009 của UBND huyện B về việc phê duyệt phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng; Quyết định số 4473/QĐ-UBND ngày 25/12/2009 của UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Phạm T; Quyết định số 2051/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 của UBND huyện B về việc phê duyệt phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng và Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 13/11/2013 của UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Phạm T và các Quyết định giải quyết khiếu nại số 321/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 Chủ tịch UBND huyện B và Quyết định số 1193/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

- Bác các yêu cầu của ông Phạm T về việc: "Buộc UBND huyện B ban hành quyết định thu hồi phần diện tích 152,1m^2 thuộc thửa đất số 770 của hộ gia đình ông để thực hiện công trình: Đường dây 220kV S - D (phần hành lang tuyến); địa điểm xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi và ban hành quyết định thu hồi phần diện tích 152,1m^2 thuộc thửa đất số 770 của hộ gia đình ông để thực hiện dự án đường dây 220kV D - Quảng Ngãi (hạng mục hành lang tuyến) qua 04 xã N, T, B và C, huyện B; Buộc UBND huyện B bố trí tái định cư cho hộ gia đình ông; nếu không có đất để tái định cư cho hộ gia đình ông thì phải bồi thường bằng giá trị quyền sử dụng đất tính theo giá đất tại thời điểm quyết định thu hồi đất; Buộc UBND huyện B bổ sung khoản chi phí hỗ trợ di chuyển là 4.000.000đ/hộ cho hộ gia đình ông; Buộc UBND huyện B bồi thường bổ sung cho hộ gia đình ông số tiền bồi thường thiếu về cây cối là 560.000đ trên phần diện tích 152,1m^2 thuộc thửa đất số 770 của gia đình nằm trong hành lang tuyến đường dây 220kV S - D.

2. Ông Phạm T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0003681 ngày 13/8/2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Tổng số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Do yêu cầu khởi kiện của ông T không được Tòa án chấp nhận nên số tiền chi phí việc xem xét, thẩm định tại chỗ ông Phạm T phải chịu (ông T đã nộp xong).

- Ngày 29/3/2019, ông Phạm T có Đơn kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, cụ thể: *(i)*. Hủy các Quyết định của UBND huyện B về phê duyệt phương án và mức bồi thường cho hộ ông Phạm T; hủy các Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện B và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi; *(ii)*. Buộc UBND huyện B ban hành quyết định thu hồi 152,1m^2 đất còn lại của hộ ông T vì diện tích đất này bị nhiễm điện không sử dụng được; đồng thời yêu cầu cấp đất tái định cư cho gia đình ông, nếu không bố trí đất tái định cư thì phải bồi thường bằng giá trị quyền sử dụng đất; *(iii)*. Buộc UBND huyện B trả bổ sung chi phí hỗ trợ di chuyển là 4.000.000 đồng và trả tiền bồi thường giá trị cây cối bị thiếu là 560.000 đồng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

+ Người khởi kiện (ông Phạm T) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu nêu trong đơn kháng cáo.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện (Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi) đề nghị bác kháng cáo của ông Phạm T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+ Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính;

Về nội dung vụ án: Tòa án cấp phúc thẩm đã giải quyết đúng nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác kháng cáo của ông Phạm T, giữ nguyên bản án sơ thẩm

- Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, căn cứ đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Thửa đất số 770, tờ bản đồ số 39 (bản đồ năm 2003), xã B có nguồn gốc do HTX nông nghiệp cấp cho hộ ông T năm 1991 để xây dựng nhà ở, có diện tích 441m^2 đã được UBND huyện B cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* (số vào sổ 02330/QSDĐ/543/2004/QĐ-UBND) ngày 11/5/2004. Năm 1993, hộ ông T xây dựng nhà ở sử dụng liên tục đến năm 2009 thì bão lũ làm sập nhà, ông T dựng nhà tạm để ở đến năm 2010 thì ông T mua đất làm nhà ở nơi khác; trên đất ông T trồng cây và còn nền móng nhà cũ. Dự án đường dây 220KV D - Quảng Ngãi (hạng mục hành lang tuyến) đoạn qua xã B, tại thời điểm kiểm kê năm 2009 thì đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc của hộ ông T bị ảnh hưởng bởi dự án được xác định gồm: Diện tích đất bị ảnh hưởng khả năng sử dụng đất của dự án là 243,6m^2; nhà khung gỗ, mái lợp tole, nền đất diện tích 38,22m^2 và các vật kiến trúc khác; cây ăn quả và cây lấy củi (Số lượng cụ thể được lập theo Biên bản kiểm kê ngày 04/7/2009, ông T ký xác nhận – bút lục 549). Căn cứ kết quả kiểm kê nêu trên thì ngày 11/12/2009, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 4072/QĐ-UBND phê duyệt phương án, theo đó phần diện tích đất nằm trong hàng lang an toàn lưới điện của hộ ông Phạm T vẫn được sử dụng, không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nên Nhà nước không thu hồi, không bồi thường và tái định cư mà chỉ được tính hỗ trợ về đất do hạn chế khả năng sử dụng với mức hỗ trợ là 50% giá trị đất ở (sau đó, được hỗ trợ thêm 30% giá trị đất ở, tổng cộng được hỗ trợ 80% giá trị đất ở); nhà ở và cây cối được bồi thường 100% giá trị (tính theo đơn giá quy định tại Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 13/01/2009 của UBND tỉnh Quảng Ngãi). Ngày 25/12/2009, UBND huyện B ban hành Quyết định số 4473/QĐ-UBND (bổ sung tại Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 16/11/2011) về bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Phạm T 80%

giá trị đất ở, 100% giá trị nhà và cây cối với tổng số tiền 70.839.072 đồng (= 55.197.936đ + 15.641.136đ); ông T đã nhận tiền, không khiếu nại.

[2]. Dự án đường dây 220KV S - D, phần hành lang tuyến đoạn qua xã B, tại thời điểm kiểm kê năm 2013 thì đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc của hộ ông T bị ảnh hưởng bởi dự án được xác định gồm: diện tích đất bị ảnh hưởng 152,1m^2 thuộc một phần thửa 841 (số thửa thêm từ thửa 770, bản đồ do Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 26/9/2013); 01 cây vú sữa cho quả đường kính gốc lớn hơn 20cm và 5 cây lấy củi đường kính gốc 10-30cm. Tại Quyết định số 2051/QĐ-UBND ngày 25/7/2013, UBND huyện B {căn cứ cơ chế bồi thường quy định tại Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi là hỗ trợ 80% giá trị đất ở theo đơn giá đất của Quyết định số 49/2012/QĐ-UBND ngày 27/12/2012 UBND tỉnh; bồi thường 100% giá trị cây cối, hoa màu theo đơn giá quy định tại Quyết định số 482/2008/QĐ-UBND ngày 31/12/2008 của UBND tỉnh) đã hỗ trợ cho hộ ông Phạm T 80% giá trị 152,1m^2 đất và bồi thường 100% giá trị cây cối, hoa màu với tổng số tiền 14.876.600 đồng.

Không đồng ý với Quyết định 2051/QĐ-UBND và Quyết định 923/QĐ-UBND, ông Phạm T khiếu nại đến UBND huyện B. Ngày 06/3/2017, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 321/QĐ-UBND, bác yêu cầu khiếu nại của ông T; ông T khiếu nại thì ngày 26/6/2017, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1193/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của ông T. Nay ông T khởi kiện yêu cầu: *(1).* Hủy các Quyết định số 4072/QĐ-UBND ngày 11/12/2009 của UBND huyện B về việc phê duyệt phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng; Quyết định số 4473/QĐ-UBND ngày 25/12/2009 của UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Phạm T; Quyết định số 2051/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 của UBND huyện B về việc phê duyệt phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng và Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 13/11/2013 của UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Phạm T và các Quyết định giải quyết khiếu nại số 321/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 Chủ tịch UBND huyện B và Quyết định số 1193/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi; *(2).* Buộc UBND huyện B ban hành quyết định thu hồi phần diện tích 152,1m^2 còn lại của gia đình Ông tại hành lang tuyến 220KV S - D, cũng như thu hồi diện tích 243,6m^2 đất nằm trong hành lang an toàn đường dây 220 KV D - Quảng Ngãi (đã thực hiện năm 2009) để bố trí đất tái định cư cho gia đình ông T, nếu không có đất tái định cư thì yêu cầu trả bằng tiền theo giá đất tại thời điểm thu hồi *(3).* Buộc UBND huyện B hỗ trợ chi phí di chuyển 4.000.000 đồng và giá trị cây bồi thường thiếu là 560.000 đồng.

[3]. Đối với yêu cầu khởi kiện, cũng như yêu cầu kháng cáo của ông T yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện B phải ban hành Quyết định thu hồi 152,1m^2 đất nằm trong hành lang an toàn lưới điện 220 KV S - D, yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện B ban hành Quyết định thu hồi luôn diện tích 243,6m^2 đất nằm trong hành lang an toàn đường dây 220 KV D - Quảng Ngãi vì toàn bộ diện tích đất nằm trong hành lang an toàn 02 tuyến đường dây 220 KV nêu trên đều nhiễm điện, không thể sử dụng được; yêu cầu UBND huyện B bố trí đất tái định cư cho hộ gia đình ông T,

nếu không có đất thì bồi thường giá trị đất tại thời điểm thu hồi và buộc UBND huyện B hỗ trợ chi phí di chuyển 4.000.000 đồng thì cấp phúc thẩm xét thấy: ***Quyết định*** số 08/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi tại Điều 10 quy định: *"1. Trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất (nhà ở, công trình đủ điều kiện tồn tại trong hành lang bảo vệ an toàn của công trình), nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng thì được bồi thường, hỗ trợ bằng tiền theo mức thiệt hại thực tế theo khoản 2 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT, khoản 5 và khoản 6 Điều 1 Nghị định số 81/2009/NĐ-CP được quy định như sau: a) Về đất đai: Đất ở và đất vườn ao trong cùng thửa đất ở: + Đất ở được hỗ trợ bằng 80% giá trị bồi thường về đất ở theo đơn giá đất quy định hiện hành của UBND tỉnh; diện tích đất ở được hỗ trợ do hạn chế khả năng sử dụng là diện tích đất ở thực tế nằm trong hành lang an toàn lưới điện cao áp…b). Đối với các loại cây đã trồng trước khi xây dựng đường dây dẫn điện trên không, nếu ảnh hưởng đến hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp mà phải chặt phá thì tính bồi thường theo quy định"*. Tại ***Công văn*** số 296/GPMB-KT-ĐB ngày 18/01/2016, Ban quản lý Dự án X khẳng định:*"Toàn bộ diện tích đất ở trong hành lang tuyến đường điện 220KV D - Quảng Ngãi và đường dây điện 220KV S - D của ông Phạm T đã được hỗ trợ khả năng hạn chế sử dụng đất tại các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện B là đều đầy đủ điều kiện xây dựng nhà ở…Theo thiết kế đường dây 220KV D - Quảng Ngãi và đường dây 220KV S - D thì cường độ điện trường trong nhà và ngoài nhà tại các Khu dân cư trên toàn tuyến đều đảm bảo theo quy định"*. Vì những lẽ trên, UBND huyện B không ban hành các Quyết định thu hồi đất đối với diện tích đất của hộ ông T nằm trong hành lang 02 tuyến đường dây 220KV là có cơ sở, đúng pháp luật; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện này của ông T là đúng, nhưng phần quyết định Tòa án cấp sơ thẩm ghi: "*Bác yêu cầu của ông Phạm T về việc… buộc UBND huyện B ban hành quyết định thu hồi phần diện tích 152,1m^2 thuộc thửa đất số 770 của hộ gia đình ông để thực hiện dự án đường dây 220kV D - Quảng Ngãi (hạng mục hành lang tuyến qua 04 xã N, T, B và C, huyện B)* là nhầm, lẽ ra phải ghi *"Bác yêu cầu của ông Phạm T về việc…buộc UBND huyện B ban hành quyết định thu hồi phần diện tích 243,6 m^2 đất thuộc thửa đất số 770 của hộ gia đình ông để thực hiện dự án đường dây 220kV D - Quảng Ngãi (hạng mục hành lang tuyến qua 04 xã N, T, B và C, huyện B)* nên cấp phúc thẩm chỉnh lại.

[4]. Đối với diện tích 243,6m^2 đất của hộ ông T nằm trong hành lang an toàn đường dây 220KV D - Quảng Ngãi thì ngày 25/12/2009, UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 4473/QĐ-UBND (bổ sung tại Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 16/11/2011) bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Phạm T 80% giá trị đất ở, 100% giá trị nhà và cây cối với tổng số tiền 70.839.072 đồng, ông T đã nhận tiền, không khiếu nại. Đối với diện tích 152,1m^2 đất của hộ ông T nằm trong hành lang an toàn lưới điện 220KV S - D thì UBND huyện B ban hành Quyết định số 2051/QĐ-UBND ngày 25/7/2013 hỗ trợ 80% giá trị đất ở theo đơn giá đất tại Quyết định số 49/2012/QĐ-UBND ngày 27/12/2012 UBND tỉnh Quảng Ngãi và bồi thường 100% giá trị cây cối, hoa màu theo đơn giá quy định tại Quyết định số 482/2008/QĐ-UBND ngày 31/12/2008 của UBND tỉnh Quảng Ngãi với tổng số

tiền 14.876.600 đồng là có cơ sở, đúng pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện với các yêu cầu nêu trên của ông T là có căn cứ, cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

[5]. Tuy diện tích hộ ông Phạm T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2004, thửa 770 là 441m^2; nhưng diện tích toàn thửa 770 của hộ ông Tại đo thực tế năm 2013 là 392m^2, năm 2009 UBND huyện B hỗ trợ hộ ông T 80% giá trị quyền sử dụng 243,6m^2 đất và năm 2013 hỗ trợ hộ ông T 80% giá trị quyền sử dụng 152,1m^2 đất là đã hỗ trợ 80% đối với tổng diện tích 395,7m^2 đất là vượt diện tích 392m^2 đất đo được trên thực địa; như vậy, là có lợi cho ông T.

[6]. Đối với kháng cáo của ông T cho rằng Chính quyền đã bồi thường thiếu một số cây trồng trên đất nằm trong hành lang an toàn đường dây 220KV S - D thì thấy: Chính quyền địa phương đã thông báo cho các hộ dân trong vùng dự án kê khai tài sản và hợp tác với chính quyền để kiểm kê tài sản bị thiệt hại từ ngày 26/6/2013 đến ngày 25/7/2013; nhưng hộ ông Phạm T không kê khai, cũng như không hợp tác. Do đó, ngày 25/7/2013 Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B, UBND xã B, Mặt Trận tổ quốc xã, Ban thanh tra nhân dân cùng với đại diện người dân trong vùng dự án đã tiến hành lập biên bản tại hiện trường, kiểm kê tài sản bị thiệt hại của hộ ông Phạm T. Tại Biên bản làm việc ngày 09/10/2014 với ông T thể hiện Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B đã công bố kết quả kiểm kê tài sản, đất theo biên bản ngày 25/7/2013 cho ông T biết; ông T không thắc mắc khiếu nại mà chỉ yêu cầu được giao đất tái định cư. Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/01/2019 do Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tiến hành xác định trên đất có 09 cây và 01 gốc cây đã bị chặt đốn; ông Phạm Quang Đức (Phó Chủ tịch UBND xã B) cho biết thực tế trên đất có các cây như ông T trình bày và Tòa án đã xác định, nhưng những cây này đã được kiểm kê và bồi thường trong phương án bồi thường tuyến lưới điện 220KV D - Quảng Ngãi năm 2009; do đó, trình bày của ông T cho rằng năm 2013 UBND huyện B bồi thường cho gia đình Ông thiếu giá trị một số cây Nhãn, Chanh, Khế...vv là 560.000 đồng là không có cơ sở để được chấp nhận.

[7]. Đối với kháng cáo của ông T cho rằng UBND huyện B áp giá hỗ trợ, bồi thường không đúng thì thấy: Trên cơ sở Biên bản kiểm kê ngày 25/7/2013, UBND huyện B ban hành Quyết định số 2051/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Phạm T về đất, các loại cây. Việc áp giá, tính toán bồi thường của UBND huyện B là đúng quy định tại khoản 1 Điều 7 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất ban hành kèm theo Quyết định 08/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; đúng với quy định về giá các loại đất năm 2013 ban hành kèm theo Quyết định số 49/2012/QĐ-UBND ngày 27/12/2012 của UBND tỉnh Quảng Ngãi quy định mật độ cây trồng, đơn giá và nguyên tắc bồi thường hỗ trợ cây cối, hoa màu khi nhà nước thu hồi đất, ban hành kèm theo Quyết định số 482/2008/QĐ-UBND ngày 31/12/2008 của UBND tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, việc ông T cho rằng UBND huyện B áp giá bồi thường, hỗ trợ về đất, cây cho hộ gia đình ông T không đúng là không có cơ sở.

Từ phân tích tại các luận điểm [1] đến [7] nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông T yêu cầu hủy các Quyết định của UBND huyện B về phê duyệt phương án và mức bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Phạm T; hủy các Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện B và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi là có cơ sở, đúng pháp luật nên bác kháng cáo của ông Phạm T, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm; ông T kháng cao không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm;

QUYẾT ĐỊNH:

I/ Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 và Điều 349 Luật tố tụng hành chính 2015 tuyên xử bác kháng cáo của ông Phạm T, giữ nguyên quyết định tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2019/HC-ST ngày 18/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm T {yêu cầu hủy các Quyết định số 4072/QĐ-UBND ngày 11/12/2009 của UBND huyện B về việc phê duyệt phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng; Quyết định số 4473/QĐ-UBND ngày 25/12/2009 của UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Phạm T; Quyết định số 2051/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 của UBND huyện B về việc phê duyệt phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng và Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 13/11/2013 của UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Phạm T và các Quyết định giải quyết khiếu nại số 321/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 Chủ tịch UBND huyện B và Quyết định số 1193/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi}.

2. Bác các yêu cầu của ông Phạm T yêu cầu Tòa án {Buộc UBND huyện B ban hành quyết định thu hồi phần diện tích 152,1m^2 đất thuộc thửa đất số 770 của hộ gia đình ông để thực hiện công trình: Đường dây 220kV S - D (phần hành lang tuyến qua địa điểm xã B, huyện B) và ban hành quyết định thu hồi phần diện tích 243,6 m^2 đất thuộc thửa đất số 770 của hộ gia đình ông để thực hiện dự án đường dây 220kV D - Quảng Ngãi (hạng mục hành lang tuyến qua 04 xã N, T, B và C, huyện B); Buộc UBND huyện B bố trí tái định cư cho hộ gia đình ông; nếu không có đất để tái định cư cho hộ gia đình ông thì phải bồi thường bằng giá trị quyền sử dụng đất tính theo giá đất tại thời điểm quyết định thu hồi đất; Buộc UBND huyện B bổ sung khoản chi phí hỗ trợ di chuyển là 4.000.000đ/hộ cho hộ gia đình ông; Buộc UBND huyện B bồi thường bổ sung cho hộ gia đình ông số tiền bồi thường thiếu về cây cối là 560.000đ trên phần diện tích 152,1m^2 thuộc thửa đất số 770 của gia đình nằm trong hành lang tuyến đường dây 220kV S - D}.

3. Ông Phạm T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0003681 ngày 13/8/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi thì ông T đã nộp xong khoản tiền này.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Tổng số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Do yêu cầu khởi kiện của ông T không được Tòa án chấp nhận nên số tiền chi phí việc xem xét, thẩm định tại chỗ ông Phạm T phải chịu (ông T đã nộp xong).

II/ Về án phí phúc thẩm: Ông Phạm T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, trừ vào số tiền 300.000 đồng ông T đã nộp tạm ứng án phí kháng cáo theo Biên lai thu số 0001624 ngày 05/4/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi thì ông T đã nộp xong khoản tiền này.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân